TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/11/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Đức Chính
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Duy Tuấn
2. Bà Phạm Thị Tuẫn

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Hải Loan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên

Ngày 07/11/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2019/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1991;
Nơi ĐKTT: Khu 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương;
Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1981;
Nơi ĐKTT: Khu 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương.
Địa chỉ: Khu 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/6/2012. Sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc tại gia đình anh T, được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hòa hợp trong sinh hoạt và không thống nhất trong việc phát triển kinh tế gia đình, thường xảy ra cãi cọ, xô xát. Mặc dù được gia đình khuyên bảo và tự tìm biện pháp nhưng mâu thuẫn không giải quyết được. Thời gian gần đây, chị phát hiện anh T sử dụng chất ma túy đã khuyên bảo, song anh không từ bỏ. Do cuộc sống không có hạnh phúc, từ tháng 7/2019 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống; anh chị ly thân, không còn quan tâm gặp gỡ nhau. Nay, chị xác định giữa vợ chồng chị mâu thuẫn đã

trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài được nữa, nên xin ly hôn anh Trần Văn T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Trần Bảo K, sinh ngày 06/8/2013, hiện do gia đình anh T nuôi dưỡng. Chị xác định có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con tốt; hơn nữa anh T là người sử dụng chất ma túy không thể giao con cho anh tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định điều kiện kết hôn của anh chị đúng như chị H trình bày. Về tình trạng hôn nhân, anh xác định do anh chị không hợp nhau và chị H không chăm lo cho gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Từ tháng 7/2019, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống, anh chị không gặp gỡ nhau. Đối với việc chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Trần Bảo K, sinh ngày 06/8/2013, hiện do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu anh chị ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng; trường hợp chị H được nuôi con, anh nhất trí cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương là Khu 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương và lời khai của bố đẻ anh T, cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T là có thật và đã trầm trọng, không thể hàn gắn, hiện anh chị ly thân; anh T là người có sử dụng chất ma túy.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến đã trình bày; anh Trần Văn T xác định không còn tình cảm với chị H, nên đồng ý ly hôn và giữ nguyên ý kiến về việc nuôi con chung như đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn T; về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H được chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Bảo K, sinh ngày 06/8/2013 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn T về

cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.000.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 11/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi; về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/6/2012 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng ba năm. Sau đó, do không hòa hợp trong sinh hoạt và không thống nhất trong việc phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến mâu thuẫn. Mặc dù được gia đình khuyên bảo và vợ chồng cũng tự tìm biện pháp, song không giải quyết được mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không được cải thiện. Từ tháng 7/2019 chị H về nhà bố mẹ đẻ ở xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống, anh chị không quan tâm, gặp gỡ nhau. Xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân, chị H xin ly hôn anh T. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T xác đinh anh chị có mâu thuẫn, hiện sống ly thân, không quan tâm đến nhau và muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào thể hiện mong muốn duy trì hôn nhân với chị H. Tại phiên tòa, anh T nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của đương sự phù hợp với tài liệu xác minh tại địa phương, lời khai của người làm chứng; có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và có căn cứ để công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn T.

[2] Về con chung: Chị H và anh T có một con chung là Trần Bảo K, sinh ngày 06/8/2013, hiện do gia đình anh T nuôi dưỡng. Anh chị đều có nguyện vọng nuôi con, chứng minh thu nhập và đều xác định phải nhờ gia đình trợ giúp trong việc nuôi con. Tuy nhiên, so sánh giữa hai bên thì chị H bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con hơn. Căn cứ quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/ tháng.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; anh Trần Văn T phải chịu án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn T.

- *Về nuôi con chung*: Giao con chung Trần Bảo K, sinh ngày 06/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Thu H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng; phương thức cấp dưỡng hằng tháng; thời điểm cấp dưỡng từ tháng 11/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/0004914 ngày 06/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí. Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- UBND TT N, huyện N, tỉnh Hải Dương *(để ghi vào sổ Hộ tịch)*;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đức Chính